

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **42159**/BTC-CST  
V/v xin ý kiến về dự thảo  
Thông tư sửa đổi Thông tư số  
265/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày **25** tháng 10 năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Bộ Thông tin và Truyền thông có công văn số 3237/BTTTT-KHTC ngày 24/8/2021 đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (*bản chụp công văn gửi kèm*).

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC (*dự thảo gửi kèm*). Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày **25/11/2021**.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công thông tin điện tử Chính phủ; | Để đăng dự thảo
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính; | Thông tư xin ý kiến
- Lưu: VT, CST (CST5) (8b) *ctm*



Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện**

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Lệ phí cấp giấy phép được tính cho từng giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

a) Lệ phí gia hạn, **cấp lại** giấy phép được tính bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép.

b) Lệ phí sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: **bằng mức lệ phí cấp giấy phép. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép<sup>1</sup>** không phải ấn định lại

<sup>1</sup> Chữ đậm nghiêng: Nội dung bổ sung so với Thông tư số 265/2016/TT-BTC

tần số hoặc ấn định lại tần số thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép; phải ấn định lại tần số, bằng lệ phí cấp giấy phép<sup>2</sup>.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Trường hợp miễn thu phí, lệ phí**

**1. Người nộp lệ phí được miễn lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số trong trường hợp sau:**

a) Đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá.

b) Thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.

**2. Người nộp phí được miễn phí sử dụng tần số trong trường hợp sau:**

a) 1- Đài vô tuyến điện của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam thuộc diện ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

b) 2- Đài vô tuyến điện chỉ phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng sử dụng tần số cho mục đích an ninh, quốc phòng theo quy định tại Điều 45 Luật tần số vô tuyến điện.

c) 3- Đài vô tuyến điện phục vụ nhiệm vụ phòng chống thiên tai, lụt bão sử dụng các tần số cho mạng thông tin phòng chống thiên tai, lụt bão.

d) 4- Đài vô tuyến điện sử dụng tần số cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định.

đ) 5- Đài vô tuyến điện phục vụ trực tiếp việc tìm kiếm, cứu nạn thuộc Hệ thống tổ chức tìm kiếm, cứu nạn của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương.

e) 6- Đài vô tuyến điện của các tổ chức từ thiện phục vụ hoạt động nhân đạo.

g) 7- Đài vô tuyến điện thuộc mạng ~~viễn thông dùng riêng~~ **điện báo được biệt** phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

h) 8- Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; **thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá; thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá đặt trên đài tàu.**

i) 9- Đài truyền thanh không dây **cấp xã** thuộc quản lý của phường, xã hoặc đơn vị hành chính tương đương (nếu có).

k) 10. Máy phát thanh, phát hình phát sóng chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, phát với công suất từ 100w trở xuống trên địa bàn các huyện nghèo, huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao theo quy định của Nhà nước.

<sup>2</sup> Chữ bị gạch ngang: Nội dung bị bãi bỏ so với Thông tư số 265/2016/TT-BTC

*l) Máy phát dự phòng có cùng tần số phát, cùng vị trí ăng ten và công suất phát ERP nhỏ hơn hoặc bằng máy phát sóng chính đã được cấp phép.*

11. ~~Đài vệ tinh không gian được tạm thời miễn thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2018."~~

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

" b) Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai phí, lệ phí theo tháng, quyết toán phí theo năm theo quy định tại *Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế* khoản 3 Điều 19 và nộp phí, lệ phí theo quy định tại ~~khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ~~".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

#### **"Điều 7. Hoàn trả phí**

1. Tổ chức, cá nhân ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trước thời hạn quy định tại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thì chỉ được hoàn trả phần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho thời gian còn lại của giấy phép, *trong trường hợp sau:*

*a) Thời gian còn lại của giấy phép từ 30 ngày trở lên đối với giấy phép sử dụng tần số ngừng do đấu giá tần số hoặc thay đổi của quy hoạch tần số.*

*b) Thời gian còn lại của giấy phép từ 90 ngày trở lên đối với các trường hợp còn lại.*

2. Thời gian còn lại của giấy phép được tính kể từ ngày tổ chức, cá nhân chính thức ngừng sử dụng nhưng không trước ngày Cục Tần số vô tuyến điện nhận được thông báo ngừng".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

"4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, kê khai, nộp phí và lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, *Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 303/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).*

6. Sửa đổi, bổ sung các điểm, khoản của Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện của Thông tư số 265/2016/TT-BTC, cụ thể:

a) Khoản 1 Mục I Phần A.

b) Khoản 1 Mục I; điểm 3.2.2 và điểm 3.3 Mục II; điểm 1.1 và điểm 1.2 Mục III; điểm 1.1, điểm 1.2 khoản 1 và khoản 2 Mục IV Phần B.

Các nội dung điểm a, điểm b nêu trên được quy định tại Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trường hợp người nộp phí, lệ phí đã nộp lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đã nộp theo mức thu quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thì không truy thu hoặc hoàn phần chênh lệch giữa mức phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC và quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN Thành phố Hà Nội;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN VÀ PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-BTC ngày .. tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**A. LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu một lần cấp (1.000 đồng)
I	<b>Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện<sup>(1)</sup>:</b>	
4	<del>Đối với đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện</del> nghề cá, đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.	50

**B. PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN** *(Khi cấp phép chính thức)*

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu cho 12 tháng (1.000 đồng)
I	<b>NGHIỆP VỤ CỐ ĐỊNH<sup>(2)</sup></b>	
1	<b>Tần số dưới 30 MHz:</b> Tính trên mỗi tần số phát được ấn định cho 1 máy phát, tính theo băng tần và độ rộng băng tần chiếm dụng (BW) <sup>(2)</sup>	
II	<b>NGHIỆP VỤ DI ĐỘNG</b>	
3	<b>Nghiệp vụ di động mặt đất</b>	
3.2.2	Độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định bằng $n \times 12,5 \text{ kHz}$ , $n=2,3,4...$ là 25 kHz	Bảng $n \times 200\%$ Mức phí tại điểm 3.2.1 khoản 3 Mục II này
3.3	Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng sử dụng băng tần số (tính trên mỗi MHz của băng tần được cấp, trên phạm vi toàn quốc).	
3.3.1	Băng tần $\leq 2.200 \text{ MHz}$	1.300.000
3.3.2	$2.200 \text{ MHz} < \text{Băng tần} \leq 24.000 \text{ MHz}$ Nhóm băng tần $> 2.200 \text{ MHz}$	650.000
3.3.3	<b>Băng tần <math>&gt; 24.000 \text{ MHz}</math></b>	<b>108.000</b>

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu cho 12 tháng (1.000 đồng)	
III	<b>NGHIỆP VỤ QUẢNG BÁ</b>		
1.1	<p>Mạng đa tần: Máy phát hình, <del>phát sóng chương trình của các đơn vị truyền dân, phát sóng toàn quốc</del> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của Trung ương (<i>phát sóng ít nhất một kênh chương trình thiết yếu</i>), tính trên mỗi kênh tần số được ấn định theo mức công suất phát và vị trí đặt máy phát.</p> <p>Mức phí quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục III này chỉ áp dụng cho một kênh tần số tại một điểm phát sóng; đối với các kênh tần số còn lại, áp dụng mức phí quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục III này.</p>	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ	Các tỉnh, thành phố khác
1.1.1	Đối với phân kênh là 8 MHz		
	P > 20 kW	24.000	18.000
	10 kW < P < 20 kW	20.000	14.000
	5 kW < P < 10 kW	16.000	11.000
	2 kW < P < 5 kW	12.000	9.000
	500 W < P < 2 kW	4.000	1.500
	100 W < P ≤ 500 W	1.000	500
	P ≤ 100 W	200	100
1.1.2	Đối với phân kênh ΔB MHz nhỏ hơn 8 MHz	Bảng (ΔB/8) mức phí tương ứng tại điểm 1.1.1 khoản 1 Mục III này	
1.2	<p>Mạng đa tần: Máy phát hình, <del>phát sóng chương trình của các đơn vị truyền dân, phát sóng khu vực</del> phát sóng kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương (<i>phát sóng ít nhất một kênh chương trình thiết yếu</i>) tính trên mỗi kênh tần số được ấn định theo mức công suất phát và vị trí đặt máy phát. Mức phí quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Mục III này chỉ áp dụng cho một kênh tần số tại một điểm phát sóng; đối với các kênh tần số còn lại, áp dụng mức phí quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục III này.</p>	Bảng 50% mức phí tương ứng tại điểm 1.1 khoản 1 Mục III này	

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu cho 12 tháng (1.000 đồng)
IV	NGHIỆP VỤ CÓ ĐỊNH QUA VỆ TINH, DI ĐỘNG QUA VỆ TINH	
1	<b>Đài vệ tinh trái đất</b>	
1.1	Đài vệ tinh trái đất: tính <i>trên mỗi tần số phát được ấn định cho 1 máy phát</i> và theo độ rộng băng tần phát có độ rộng băng tần chiếm dụng (BW), trừ các điểm 1.2, 1.3, 1.4 khoản 1 Mục IV này.	
	BW ≤ 150 kHz	1.000
	150 kHz < BW ≤ 2 MHz	5.000
	2 MHz < BW ≤ 18 MHz	30.000
	18 MHz < BW ≤ 36MHz	50.000
	BW > 36 MHz	60.000
1.2	Đối với các <i>thiết bị</i> trạm đầu cuối cố định sử dụng chung dải tần đường lên vệ tinh, có độ rộng băng tần phát thay đổi theo nhu cầu sử dụng, thuộc hệ thống đa truy cập qua vệ tinh: mức phí tính cho mỗi thiết bị đầu cuối.	1.000
2	<i>Đài vũ trụ Đài vệ tinh không gian</i> , tính cho mỗi bộ phát đáp với băng thông 36 MHz (đối với bộ phát đáp có băng thông khác ( $\Delta B$ MHz), mức phí được tính bằng ( $\Delta B/36$ ) mức tương ứng).	10.000

(2) Độ rộng băng tần chiếm dụng được tính theo các thông số của máy phát được cấp phép hoặc được ghi cụ thể trong giấy phép. *Đối với các máy phát vi ba: tính trên mỗi tần số phát được ấn định cho 1 máy phát, tính theo băng tần, phân cực ăng-ten và độ rộng băng tần chiếm dụng.*



**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3257/BTTTT-KHTC  
V/v sửa đổi, bổ sung Thông tư  
265/2016/TT-BTC quy định về phí, lệ phí  
tần số vô tuyến điện

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>72429</u> /ĐT
Ngày:	<u>25-08-2021</u>
Chuyên:	<u>Vụ CST</u>
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Hiện nay, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đang được thực hiện theo quy định tại Thông tư 265/2016/TT-BTC. Các quy định này về cơ bản là phù hợp với các loại hình dịch vụ thông tin vô tuyến điện và được các tổ chức, cá nhân sử dụng tần số chấp thuận, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện, tạo điều kiện phát triển các dịch vụ viễn thông và mang lại nhiều lợi ích cho xã hội. Tuy nhiên, đến nay một số nội dung về phí, lệ phí tần số vô tuyến điện cần được tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh để phù hợp với sự phát triển mới của công nghệ và dịch vụ thông tin vô tuyến điện. Ngoài ra, Bộ Thông tin và Truyền thông đã được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đề xuất phương án hỗ trợ phí và lệ phí cho chủ tàu cá theo công văn số 2488/VPCP-TKBT ngày 15/9/2020 của Văn phòng Chính phủ.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành rà soát các quy định về phí, lệ phí và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định, mức thu về phí, lệ phí tần số vô tuyến điện trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các chính sách của Nhà nước và tình hình phát triển của công nghệ vô tuyến trong việc sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Bộ Tài chính xem xét, ban hành để áp dụng trong thời gian tới, nội dung như sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về miễn thu phí và lệ phí tại Điều 5:**

- Bổ sung Khoản 1 về miễn lệ phí cấp phép trong Điều 5, Thông tư 265/2016/TT-BTC: “Miễn lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số cho tổ chức, cá nhân sử dụng: đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.”

- Bổ sung quy định miễn phí sử dụng tần số cho tổ chức cá nhân sử dụng thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.

- Bổ sung trường hợp miễn phí cho thiết bị phát dự phòng có cùng tần số phát, cùng vị trí ăng ten và công suất phát ERP nhỏ hơn hoặc bằng máy phát sóng chính đã được cấp phép (phù hợp với thực tế và không bị tính chồng phí).

- Sửa đổi Khoản 7 Điều 5: Đài vô tuyến điện thuộc mạng viễn thông dùng riêng có mục đích đảm bảo thông tin liên lạc cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến các đầu mối trực thuộc quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành cơ mật và trong những trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi Khoản 9 Điều 5 để phù hợp định nghĩa trong các văn bản chung liên quan, cụ thể: Đài truyền thanh không dây cấp xã.

- Bỏ Khoản 11, Điều 5: do hết thời hạn áp dụng

**2. Điều chỉnh mức lệ phí cho một số trường hợp:**

- Đề xuất sửa đổi Điểm a, b, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 265/2016/TT-BTC như sau:

+ Bổ sung mức lệ phí cho trường hợp cấp lại giấy phép (do mất, thất lạc, hỏng, rách...) bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép (bằng mức lệ phí cho trường hợp gia hạn).

+ Giảm mức lệ phí cho trường hợp ấn định lại kênh tần số để thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép thay vì tính bằng mức lệ phí cấp mới như hiện nay.

- Sửa đổi mục A.1.4: Bỏ mức lệ phí cho đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá (do được miễn lệ phí)

### 3. Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn trả phí tại Điều 7:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 265/2016/TT-BTC như sau:

Bổ sung trường hợp hoàn trả phí cho giấy phép sử dụng tần số còn hiệu lực từ 30 ngày trở lên nếu giấy phép sử dụng tần số phải ngừng trước thời gian hết hiệu lực do thực hiện quy hoạch mới, thực hiện đấu giá tần số.

“Tổ chức, cá nhân ngừng giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thì chỉ được hoàn trả phần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho thời gian còn lại của giấy phép với điều kiện:

a) Thời gian còn lại của giấy phép từ 30 ngày trở lên đối với giấy phép sử dụng tần số ngừng do đấu giá tần số hoặc thay đổi của quy hoạch tần số;

b) Thời gian còn lại của giấy phép từ 90 ngày trở lên đối với các trường hợp còn lại.

Thời gian còn lại của giấy phép được tính kể từ ngày tổ chức, cá nhân chính thức ngừng sử dụng nhưng không trước ngày Cục Tần số vô tuyến điện nhận được hồ sơ ngừng.”

4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Biểu mức thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện:

4.1 Bổ sung mức phí mới đối với băng tần đối với Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng:

- Về mức phí chia theo băng tần: để đảm bảo độ ổn định về nguồn thu cho ngân sách nhà nước đề xuất giữ nguyên mức phí đối với băng tần dưới 2,2GHz như hiện nay vì các băng tần này đã được cấp phép và thu phí từ trước đây.

- Đối với băng tần trên 2,2 GHz: chia thành 02 mức phí 2,2GHz < Băng tần ≤ 24 GHz và Băng tần > 24 GHz

Sửa đổi cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mức thu cho 12 tháng (1.000 đồng)
I	<b>NGHIỆP VỤ DI ĐỘNG</b>	
3	Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng sử dụng băng tần số (tính trên mỗi MHz của băng tần được cấp, trên phạm vi toàn quốc)	
3.1	Băng tần ≤ 2,2GHz	1.300.000
3.2	2,2GHz < Băng tần ≤ 24 GHz	650.000
3.3	Băng tần > 24 GHz	108.000

#### 4.2. Một số sửa đổi khác trong các biểu mức phí.

Trong quá trình áp dụng Thông tư 265/2016/TT-BTC còn một số vướng mắc cần sửa đổi một số nội dung của mục biểu phí cũ để phù hợp với các chính sách và áp dụng thực tế.

- Bổ sung ghi chú cho đối tượng yếu tố phân cực ăng - ten trong các biểu mức tính phí sử dụng tần số đối với các thiết bị vi ba thuộc Biểu phí cho Nghiệp vụ cố định (Mục B.I)

- Sửa đổi tên biểu mục phí B.II.3.2 để áp dụng cho Mạng thông tin vô tuyến nội bộ gồm các thiết bị có công suất lớn hơn 5W

- Sửa đổi biểu mục phí B.II.3.2.2 để áp dụng cho Độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định lớn hơn 25 kHz

- Sửa đổi tên biểu mức phí truyền hình tính theo phạm vi được phép phủ sóng của đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình là toàn quốc hay khu vực; giữ nguyên mức phí hiện tại (Mục B.III).

- Sửa đổi tên biểu mức phí tại các mục B.IV.1, B.IV.1.2, B.IV.2

(Thuyết minh chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 01 và 02 kèm theo).

#### 5. Về tỷ lệ để lại đơn vị thu phí, lệ phí:

Bộ Thông tin và Truyền thông kiến nghị tiếp tục được thực hiện theo tỷ lệ để lại đơn vị thu phí và tỷ lệ nộp NSNN như quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC, cụ thể:

- Đối với Phí sử dụng tần số vô tuyến điện: tỷ lệ để lại đơn vị thu phí là 50%; số nộp NSNN là 50%.

- Đối với Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện: Nộp 100% tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu và ban hành để Bộ Thông tin và Truyền thông có cơ sở thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Vụ Chính sách thuế-Bộ TC;
- Cục TSVTĐ (2b)
- Lưu: VT, KHTC (10b).



# BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

## PHỤ LỤC 01

(Kèm theo công văn số: **3237**/BTTTT-KHTC ngày **29/8/2021** của Bộ Thông tin và Truyền thông)

### **THUYẾT MINH CHI TIẾT NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ 265/2016/TT-BTC NGÀY 14/11/2016 QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN VÀ PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành rà soát các quy định về phí, lệ phí và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định, mức thu về phí, lệ phí tần số vô tuyến điện trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các chính sách của Nhà nước và tình hình phát triển của công nghệ vô tuyến trong việc sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Bộ Tài chính xem xét, ban hành để áp dụng trong thời gian tới, nội dung như sau:

#### **I. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN PHÍ, LỆ PHÍ TRONG THÔNG TƯ 265/2016/TT-BTC**

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 của Luật tần số vô tuyến điện, chính sách của Nhà nước là “ưu tiên sử dụng tần số ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn”, “ưu tiên ứng dụng công nghệ sử dụng hiệu quả phổ tần”.

Căn cứ theo Quy định tại Điểm 4, Điều 10 của Luật Phí, Lệ phí “Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”, trong đó các biểu mức lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Tài chính.

Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất các sửa đổi sau:

##### **1. Phương án hỗ trợ phí và lệ phí cho chủ tàu cá**

Hiện nay, Thông tư 265/2016/TT-BTC đã có qui định miễn phí sử dụng tần số cho tổ chức, cá nhân sử dụng đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất phương án hỗ trợ phí và lệ phí cho chủ tàu cá (công văn số 2488/VPCP-TKBT ngày 15/9/2020 của Văn phòng Chính phủ và văn bản số 1063/TTg-NN ngày 12/8/2020), Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất bổ sung điều khoản về miễn lệ phí và miễn thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá, cụ thể như sau:

- Bổ sung Khoản 1 về miễn lệ phí cấp phép trong Điều 5, Thông tư 265/2016/TT-BTC: “Miễn lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số cho tổ chức, cá nhân sử dụng: đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.”

- Bổ sung miễn phí sử dụng tần số cho tổ chức cá nhân sử dụng thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.

**2. Rà soát sửa đổi, bổ sung một số trường hợp miễn phí sử dụng tần số cho tổ chức, cá nhân sử dụng các loại thiết bị vô tuyến điện**

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất sửa đổi Điều 5, Thông tư 265/2016/TT-BTC như sau:

- Bổ sung trường hợp miễn phí cho thiết bị phát dự phòng có cùng tần số phát, cùng vị trí ăng ten và công suất phát ERP nhỏ hơn hoặc bằng máy phát sóng chính đã được cấp phép (phù hợp với thực tế và không bị tính chồng phí).

- Sửa đổi Khoản 7 Điều 5: Đài vô tuyến điện thuộc mạng viễn thông dùng riêng có mục đích đảm bảo thông tin liên lạc cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến các đầu mối trực thuộc quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành cơ mật và trong những trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi Khoản 9 Điều 5 để phù hợp định nghĩa trong các văn bản chung liên quan, cụ thể: Đài truyền thanh không dây cấp xã.

- Bỏ Khoản 11, Điều 5: do hết thời hạn áp dụng

### 3. Điều chỉnh mức lệ phí cho một số trường hợp:

Đề xuất sửa đổi Điểm a, b, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 265/2016/TT-BTC như sau:

- Bổ sung mức lệ phí cho trường hợp cấp lại giấy phép (do mất, thất lạc, hỏng, rách...) bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép (bằng mức lệ phí cho trường hợp gia hạn).

- Giảm mức lệ phí cho trường hợp ấn định lại kênh tần số để thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép thay vì tính bằng mức lệ phí cấp mới như hiện nay:

*"a) Lệ phí gia hạn, cấp lại giấy phép được tính bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép.*

*b) Lệ phí sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép đối với trường hợp không phải ấn định lại tần số; ấn định lại tần số để thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch. Đối với các trường hợp còn lại bằng mức lệ phí cấp giấy phép."*

- Sửa đổi mục A.1.4: Bỏ mức lệ phí cho đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá (do được miễn lệ phí)

TT	Chỉ tiêu	Mức thu một lần cấp (1.000 đồng)
	<b>Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện<sup>(1)</sup>:</b>	
	Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	50

### 4. Điều chỉnh việc hoàn trả phí cho giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện còn hiệu lực

Đề xuất sửa đổi Điều 7 Thông tư 265/2016/TT-BTC như sau:

Bổ sung trường hợp hoàn trả phí cho giấy phép sử dụng tần số còn hiệu lực từ 30 ngày trở lên nếu giấy phép sử dụng tần số phải ngừng trước thời gian hết hiệu lực do thực hiện quy hoạch mới, thực hiện đấu giá tần số.

"Tổ chức, cá nhân ngừng giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thì chỉ được hoàn trả phần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho thời gian còn lại của giấy phép với điều kiện:

a) Thời gian còn lại của giấy phép từ 30 ngày trở lên đối với giấy phép sử dụng tần số ngừng do đấu giá tần số hoặc thay đổi của quy hoạch tần số;

b) Thời gian còn lại của giấy phép từ 90 ngày trở lên đối với các trường hợp còn lại.

Thời gian còn lại của giấy phép được tính kể từ ngày tổ chức, cá nhân chính thức ngừng sử dụng nhưng không trước ngày Cục Tần số vô tuyến điện nhận được hồ sơ ngừng.”

## II. SỬA ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN BIỂU MỨC LỆ PHÍ

Sửa đổi mục A.1.4Bỏ mức lệ phí cho đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá (do được miễn lệ phí)

TT	Chỉ tiêu	Mức thu một lần cấp (1.000 đồng)
	<b>Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện<sup>(1)</sup>:</b>	
	Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	51

## III. SỬA ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN BIỂU MỨC PHÍ

### 1. Bổ sung mức phí mới đối với băng tần đối với Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng

Tại thời điểm xây dựng thông tư 265/2016/TT-BTC, các mức phí băng tần mới chỉ được xem xét và tính toán dựa trên vùng phủ sóng của các trạm phát sóng di động ở các băng tần đến 2600MHz. Trong đó quy định hai mức phí đối với băng tần dành cho thông tin di động: mức phí của nhóm băng tần  $\leq 2.200$  MHz là 1,3 tỷ VNĐ/MHz/năm (Mục B.I.3.3.1); mức phí của nhóm băng tần  $> 2.200$  MHz là 0,65 tỷ VNĐ/MHz/năm (Mục B.I.3.3.2).

Ngày 20/8/2020, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 19/2020/TT-BTTTT về quy hoạch băng tần 24,25-27,5GHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam, băng tần này sẽ được sử dụng để triển khai công nghệ thông tin di động 5G. Tuy nhiên, khi triển khai 5G trên băng tần 24,25-27,5GHz với băng thông lớn (400/800/1200MHz), vùng phủ sóng của các trạm phát sóng di động nhỏ hơn các băng tần thấp hàng chục lần, nên để phủ sóng cần nhiều trạm phát sóng dẫn tới chi phí thiết lập mạng cao hơn. Nếu áp dụng theo mức phí tại Mục B.I.3.3.2 đối với băng tần này thì chưa phù hợp với nguyên tắc xây dựng biểu phí băng tần nêu trên.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã nhận được ý kiến của các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Thông tin di động đề xuất có sửa đổi cho biểu mức phí băng tần này.

Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất

- Về mức phí chia theo băng tần: để đảm bảo độ ổn định về nguồn thu cho ngân sách nhà nước đề xuất giữ nguyên mức phí đối với băng tần dưới 2,2GHz như hiện nay vì các băng tần này đã được cấp phép và thu phí từ trước đây.

- Đối với băng tần trên 2,2 GHz: chia thành 02 mức phí 2,2GHz < Băng tần  $\leq$  24 GHz và Băng tần  $> 24$  GHz

Sửa đổi cụ thể như sau:

	Chỉ tiêu	Mức thu cho 12
--	----------	----------------

TT		tháng (1.000 đồng)
I	<b>NGHIỆP VỤ DI ĐỘNG</b>	
3	Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng sử dụng băng tần số (tính trên mỗi MHz của băng tần được cấp, trên phạm vi toàn quốc)	
3.1	Băng tần $\leq 2,2\text{GHz}$	1.300.000
3.2	$2,2\text{GHz} < \text{Băng tần} \leq 24 \text{ GHz}$	650.000
3.3	Băng tần $> 24 \text{ GHz}$	108.000

## 2. Một số sửa đổi khác trong các biểu mức phí.

Trong quá trình áp dụng Thông tư 265/2016/TT-BTC còn một số vướng mắc cần sửa đổi một số nội dung của mục biểu phí cũ để phù hợp với các chính sách và áp dụng thực tế.

- Bổ sung ghi chú cho đối tượng yếu tố phân cực ăng - ten trong các biểu mức tính phí sử dụng tần số đối với các thiết bị vi ba thuộc Biểu phí cho Nghiệp vụ cố định (Mục B.I)

- Sửa đổi tên biểu mục phí B.II.3.2 để áp dụng cho Mạng thông tin vô tuyến nội bộ gồm các thiết bị có công suất lớn hơn 5W

- Sửa đổi biểu mục phí B.II.3.2.2 để áp dụng cho Độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định lớn hơn 25 kHz

- Sửa đổi tên biểu mục mức phí truyền hình tính theo phạm vi được phép phủ sóng của đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình là toàn quốc hay khu vực; giữ nguyên mức phí hiện tại (Mục B.III).

- Sửa đổi tên biểu mức phí tại các mục B.IV.1, B.IV.1.2, B.IV.2

Các nội dung sửa đổi chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo.

## IV. ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỐ THU LỆ PHÍ, PHÍ TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỦA CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Với các đề xuất sửa đổi mức lệ phí, phí tần số tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến ảnh hưởng đến số thu phí và lệ phí của Cục Tần số vô tuyến điện (Cục Tần số) như sau:

### 1. Về nội dung miễn, giảm lệ phí

- Đối với miễn lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá: Sẽ giảm số thu lệ phí tần số 1,85 tỷ đồng/năm, tương đương giảm số nộp NSNN của Cục Tần số 1,85 tỷ đồng/năm. Sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư điều chỉnh, Cục Tần số sẽ thực hiện điều chỉnh giảm số thu lệ phí và số nộp NSNN nêu trên.

- Về giảm mức lệ phí cho trường hợp ấn định lại kênh tần số để thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép (ví dụ như các Đài phải chuyển đổi kênh tần số theo Thông tư 37/2017/TT-BTTTT, Quyết định số 29/2015/QĐ-TTg...): khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch mới, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ động đánh giá và đề xuất phương án ít gây ảnh hưởng nhất đến tổ chức, cá nhân hiện đang được cấp phép sử dụng tần số và

thiết bị vô tuyến điện. Do đó, việc giảm lệ phí đối với trường hợp trên ảnh hưởng không đáng kể tới số thu lệ phí và số nộp NSNN của Cục Tần số vô tuyến điện.

## **2. Về bổ sung đối tượng miễn phí sử dụng tần số**

- Miễn phí sử dụng tần số đối với các thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá: sẽ giảm số thu phí tần số là 1,44 tỷ đồng/năm, tương đương giảm số nộp NSNN 772 triệu đồng/năm và giảm số phí tần số được để lại 772 triệu đồng/năm (tỷ lệ phí được để lại là 50%). Do số phí để lại giảm ít nên ảnh hưởng không đáng kể đến hoạt động của Cục Tần số vô tuyến điện.

- Miễn phí cho thiết bị phát dự phòng có cùng tần số phát, cùng vị trí ăng ten và công suất phát ERP nhỏ hơn hoặc bằng máy phát sóng chính đã được cấp phép: trong thực tế, trường hợp này thường có ở các mạng đài như hàng không, phát thanh, truyền hình nhưng số lượng không nhiều nên không ảnh hưởng đến số thu phí của Cục Tần số.

## **3. Bổ sung quy định hoàn trả phí cho các giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện ngừng trước thời hạn do thực hiện quy hoạch mới hoặc thực hiện đấu giá tần số.**

Phần hoàn trả phí có khả năng tăng lên so với qui định trước đây ứng với các trường hợp ngừng giấy phép trước thời hạn từ 30 -89 ngày do thay đổi quy hoạch hoặc triển khai đấu giá tần số. Tuy nhiên, phần phí phải hoàn trả theo điều khoản này chưa ảnh hưởng đến hoạt động của Cục Tần số hiện nay do:

+ Giấy phép sử dụng băng tần đã cấp phép chính thức (thời hạn đến năm 2023) chưa có kế hoạch sửa đổi quy hoạch băng tần nên việc điều chỉnh này chưa tác động tới nguồn thu phí hiện nay.

+ Các giấy phép băng tần thử nghiệm sau tháng 6/2021 (nếu có phát sinh) không nằm trong dự toán phí năm 2021 của Cục Tần số.

+ Đối với các giấy phép sử dụng tần số còn lại (không phải giấy phép sử dụng băng tần) có mức phí sử dụng hàng tháng không quá lớn và khi sửa đổi quy hoạch đã có những điều kiện áp dụng để hạn chế phát sinh nên phần phí phải hoàn trả không nhiều và trong năm 2021 cũng chưa phát sinh thay đổi quy hoạch.

## **4. Bổ sung mức phí băng tần trên 24 GHz đối với Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng**

Việc cấp phép băng tần cho Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng thời gian tới sẽ thực hiện theo Quy định về đấu giá. Thời điểm và số lượng băng tần có thể cấp phép sẽ phụ thuộc vào kết quả đấu giá. Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa xác định được: thời điểm đấu giá, thời điểm cấp phép sử dụng tần số, số lượng băng tần trúng đấu giá. Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa xác định được số thu và thời điểm thu được khoản phí tần số của băng tần này.

Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung nêu trên sẽ làm giảm số thu phí, lệ phí tần số của Cục Tần số so với quy định đang áp dụng. Tuy nhiên, số thu giảm rất nhỏ so với số thu hiện nay của Cục Tần số vô tuyến điện (số thu năm 2020 là 572 tỷ đồng, trong đó lệ phí 11 tỷ đồng, phí 561 tỷ đồng và chưa cấp phép chính



thức đối với băng tần từ 24 GHz trở lên). Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Bộ Tài chính không xem xét điều chỉnh tỷ lệ phí tần số để lại quy định tại Điều 8 Thông tư 265/2016/TT-BTC. Sau khi hoàn thành đấu giá băng tần các băng tần trên 2,2 GHz đối với Mạng viễn thông di động mặt đất công cộng và xác định được số thu, thời điểm thu khoản phí tần số băng tần này, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ báo cáo Bộ tài chính để điều chỉnh tỷ lệ phí tần số để lại đối với Cục Tần số vô tuyến điện.

## PHỤ LỤC 02

(Kèm theo công văn số: 3237 /BT/TT-KHTC ngày 24/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

## NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI THÔNG TƯ 265/2016/TT-BTC

STT	Quy định	Nhu cầu thực tế/ Bất cập	Đề xuất	Giải trình
1	Điều 4	<p>Chưa có quy định mức lệ phí cho trường hợp cấp lại giấy phép do mất, rách, hỏng ...</p> <p>Trong quá trình áp dụng thực tế, khi phải chuyển đổi kênh tần số để thực hiện theo quy hoạch, người sử dụng đề nghị có chính sách hỗ trợ về lệ phí cấp phép.</p>	<p>Bổ sung: Lệ phí cấp lại giấy phép được tính bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép</p> <p>Mức lệ phí cho trường hợp ấn định lại kênh tần số để thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép (bằng mức lệ phí gia hạn).</p>	<p>Việc xử lý cấp lại giấy phép tương tự như việc cấp gia hạn giấy phép (giữ nguyên tất cả các tham số của giấy phép chỉ thay đổi ngày ký).</p> <p>Khi có quy hoạch mới, nếu quy hoạch tần số có thay đổi với quy hoạch cũ sẽ tác động đến các đài đang được cấp phép theo các quy hoạch cũ. Trong đó có những trường hợp người sử dụng phải thay đổi tần số để thực hiện theo quy hoạch mới khi giấy phép vẫn còn hiệu lực (ví dụ như các Đài phải chuyển đổi kênh tần số theo Thông tư 37/2017/TT-BTTTT, Quyết định số 29/2015/QĐ-TTg...).</p> <p>Do đó, đề xuất trên là một trong những chính sách hỗ trợ người sử dụng phải chuyển đổi kênh tần số để thực thi được theo quy hoạch mới thay vì tính bằng mức lệ phí cấp mới như hiện nay.</p>
2	Điều 5	Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất phương án hỗ trợ phí và lệ phí cho chủ tàu cá	Sửa đổi tên Điều 5 Trường hợp miễn thu lệ phí, phí	Bổ sung thêm miễn lệ phí

	<p>Bổ sung vào Điều 5 trường hợp miễn lệ phí</p> <p>1. Miễn lệ phí cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân sử dụng</p> <p>a) Đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá</p> <p>b) Thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá</p> <p>2. Miễn phí sử dụng tần số cho tổ chức, cá nhân sử dụng</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất phương án hỗ trợ phí và lệ phí cho chủ tàu cá (công văn số 2488/VP-CP-TKBT ngày 15/9/2020 của Văn phòng Chính phủ).</p>
<p>Quy định cũ mạng viễn thông dùng riêng chưa cụ thể, trong khi chính sách về miễn thu phí chỉ dành cho đối tượng ưu tiên đặc biệt.</p>	<p>Sửa đổi</p> <p>Đài vô tuyến điện thuộc Mạng điện báo hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.</p>	<p>Sửa đổi theo hướng để miễn phí sử dụng tần số cho tổ chức sử dụng các loại thiết bị vô tuyến điện được quy định</p> <p>Sửa lại theo Quyết định 03/2020/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện báo hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước”</p>
<p>Khoản 9: Đài truyền thanh không dây thuộc quản lý của phường, xã hoặc đơn vị hành chính tương đương (nếu có).</p>	<p>Sửa đổi</p> <p>Đài truyền thanh không dây cấp xã.</p>	<p>Theo Khoản 3, Điều 2, Luật tổ chức địa phương (77/2015/QH13): Xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã.</p>
<p>Khoản 11: Đài vệ tinh không gian được tạm thời miễn thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2018</p>	<p>Bổ</p>	<p>Quá thời hạn áp dụng</p>
<p>Xuất phát trong thực tế ở các mạng đài như hàng không, phát thanh, truyền hình do đặc thù cần đảm bảo hệ thống mạng hoạt động 24/24 nên thường có máy phát dự phòng cho máy phát chính (dự phòng về thiết bị vô tuyến điện), chưa có quy định miễn thu phí đối với trường hợp này.</p>	<p>Bổ sung trường hợp miễn phí cho thiết bị phát dự phòng có cùng tần số phát, cùng vị tríăng ten và công suất phát ERP nhỏ hơn hoặc bằng máy phát sóng chính đã được cấp phép</p>	<p>Với các điều kiện kỹ thuật trên, tại một thời điểm chỉ có một thiết bị sử dụng tần số đã được cấp phép và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đã được tính cho thiết bị phát sóng chính. Do đó, miễn phí cho thiết bị dự phòng là phù hợp với thực tế và không bị tính chồng phí.</p>

	<p>Chưa có miễn phí sử dụng cho chủ tàu cá sử dụng thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá nếu cấp phép riêng; thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá đặt trên đài tàu.</p>	<p>Bổ sung vào Điểm 8 (cùng liên quan đến đài phương tiện nghề cá) “Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá; thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá đặt trên đài tàu.”</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất phương án hỗ trợ phí và lệ phí cho chủ tàu cá (công văn số 2488/VPCP-TKBT ngày 15/9/2020 của Văn phòng Chính phủ).</p>
3	<p>Chưa có chính sách hỗ trợ đối với trường hợp phải ngừng giấy phép trước thời hạn để thực hiện theo quy hoạch mới, thực hiện đấu giá mà thời hạn giấy phép còn dưới 90 ngày</p>	<p>Bổ sung quy định hoàn phí cho giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải ngừng giấy phép trước thời hạn để thực hiện theo quy hoạch mới, thực hiện đấu giá còn lại từ 30 ngày trở lên.</p>	<p>Mức phí hiện nay tính theo 12 tháng (năm) và thời hạn được làm tròn theo tháng. Do đó, đối với giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải ngừng giấy phép trước thời hạn để thực hiện theo quy hoạch mới, thực hiện đấu giá, đề xuất điều kiện để được hoàn phí nếu thời hạn còn lại của giấy phép tối thiểu là 30 ngày (tương đương với 1 tháng).</p>
4	<p>Đối với đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá, đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá</p>	<p>Bỏ mức lệ phí cho đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá</p>	<p>Do được đề xuất miễn lệ phí cấp phép cho tổ chức, cá nhân sử dụng đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá.</p>
5	<p>Thực tế các tuyến vi ba có thể sử dụng cùng một cặp tần số, băng thông tại cùng một vị trí nhưng có phân cực ăng-ten khác nhau, hiện nay chưa có mức phí tính theo phân cực ăng ten.</p>	<p>Bổ sung ghi chú cho mục B.I.2 về tính phí cho các thiết bị vi ba: (3) Đối với các máy phát vi ba: tính trên mỗi tần số phát được ấn định cho một máy phát, tính theo băng tần, phân cực ăng-ten và độ rộng băng tần chiếm dụng.</p>	<p>Với công nghệ ngày càng phát triển, các tuyến vi ba thường sử dụng thiết bị có ăng - ten công nghệ mới, có tính định hướng cao thì phân cực ăng - ten cũng là một nguồn tài nguyên chiếm dụng. Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất trong biểu mức tính phí áp dụng đối với các tuyến vi ba (thuộc nghiệp vụ cố định) bổ sung yếu tố phân cực ăng - ten để thực hiện tính phí phù hợp với việc sử dụng tần số vô tuyến điện trong thực tế. Việc bổ sung thêm phân cực ăng-ten vào biểu mức tính phí sử dụng tần số đối với phí sử</p>

			<p>dùng tần số của các tuyến vi ba đảm bảo hiệu quả sử dụng phổ tần.</p>
6	<p>B.II.3 mục 3.2.2</p>	<p>Hiện chỉ có quy định cho kênh có băng thông 25kHz chưa có cho những trường hợp băng thông lớn hơn, trong khi quy hoạch phân kênh cho phép kênh có băng thông lớn hơn 25kHz.</p>	<p>Theo quy hoạch kênh tại Thông tư 17/2017/TT-BTTTT có phân kênh với độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định lớn hơn 25 kHz.</p> <p>Do đó đề xuất bổ sung công thức tính phí đối với mạng viễn thông dùng riêng có độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định lớn hơn 12,5 KHz trên cơ sở mức phí của kênh 12,5kHz.</p>
7	<p>B.II.3. mục 3.3</p>	<p>Hiện đang quy định cho 2 mức phí cho băng tần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng tần <math>\leq 2,2</math>GHz</li> <li>- Băng tần <math>&gt; 2,2</math> GHz</li> </ul> <p>Doanh nghiệp viễn thông đề xuất xem xét bổ sung mức phí cho băng tần mmW để triển khai 5G với mức phí thấp hơn mức phí hiện nay.</p>	<p>Đề xuất sửa thành 3 mức phí cho băng tần (tính theo 1MHz/năm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng tần <math>\leq 2,2</math>GHz: 1.3 tỷ</li> <li>- 2,2GHz &lt; Băng tần <math>\leq 24</math> GHz: 0,65 tỷ</li> <li>- Băng tần <math>&gt; 24</math> GHz: 0,108 tỷ</li> </ul> <p>Bổ sung thêm mức phí mới cho băng tần cao (trên 24GHz) tách khỏi mức phí của băng tần trung; giữ nguyên mức phí đối với băng tần dưới 2,2GHz và băng tần trung (từ 2200MHz đến 24GHz) như hiện nay vì các băng tần này không có thay đổi từ khi xây dựng Thông tư 265/2015/TT-BTC. Trên cơ sở phân tích về vùng phủ sóng giữa các băng tần dành cho thông tin di động nêu trên, đề xuất mức phí đối với băng tần cao (trên 24 GHz) là 108 triệu/1 MHz/1năm - băng 8,3% của mức phí đối với băng tần thấp (dưới 2200 MHz).</p> <p>Thông tư số 19/2020/TT-BTTTT về quy hoạch băng tần 24,25-27,5GHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam.</p> <p>Trong năm 2019 và 2020, Bộ đã cấp phép thử nghiệm cho băng tần 27GHz theo mức phí thử nghiệm. Dự kiến sẽ sớm cấp phép chính thức trong thời gian tới phụ thuộc thời điểm và kết quả đầu giá.</p>

8	B.III.	Chưa có mức phí áp dụng cho trường hợp đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình số mặt đất phát sóng cả chương trình thiết yếu trung ương và địa phương trên cùng một kênh tần số.	Sửa đổi mức phí phân biệt phạm vi được phép phát sóng của đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình là toàn quốc/khu vực, loại mạng đơn tần/đa tần, kênh chương trình thiết yếu/kênh chương trình khác; giữ nguyên mức phí hiện tại.	Điều mức phí cũ phân biệt theo nội dung kênh chương trình là thiết yếu trung ương/ địa phương. Tuy nhiên, sau 2020 ngừng truyền hình tương tự Trung ương và địa phương; tất cả các kênh chương trình quảng bá được phép phát sóng trên toàn quốc nhưng vùng phủ sóng kênh chương trình phụ thuộc vào kênh chương trình đó được đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình toàn quốc/khu vực truyền tải và phát sóng trên mạng đa tần/đơn tần. Khi chuyển sang truyền hình số, trên mỗi kênh tần số truyền tải được nhiều kênh chương trình khác nhau. Do đó, tại một vị trí chỉ xem xét mức phí cho 01 kênh tần số để phát sóng phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu.
9	B.III.1. 1	Mạng đa tần: máy phát hình, phát sóng chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của Trung ương, tính trên mỗi kênh tần số được ấn định theo mức công suất phát và vị trí đặt máy phát (đối với các đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình số mặt đất được cấp phép sử dụng nhiều kênh tần số tại một điểm phát sóng, mức phí quy định tại điểm 1.1 khoản 1 mục III này chỉ áp dụng cho một kênh tần số tại một điểm phát sóng; đối với các kênh tần số còn lại, áp dụng mức phí quy định tại điểm 1.3 khoản 1 mục III này).	Sửa đổi Mạng đa tần: máy phát hình của các đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng toàn quốc phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu (phát sóng ít nhất một kênh chương trình thiết yếu), tính trên mỗi kênh tần số được ấn định theo mức công suất phát và vị trí đặt máy phát. Mức phí quy định tại điểm 1.1 khoản 1 mục III này chỉ áp dụng cho một kênh tần số tại một điểm phát sóng; đối với các kênh tần số còn lại, áp dụng mức phí quy định tại điểm 1.3	Đề xuất này đã giải quyết được bất cập về mức phí áp dụng cho trường hợp đã nêu.

			Khoản 1 mục III này.	
10	B.III.1. 2	Mạng đa tần: Máy phát hình, phát sóng kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương (đối với các đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình số mặt đất được cấp phép sử dụng nhiều kênh tần số tại một điểm phát sóng, mức phí quy định tại điểm 1.2 khoản 1 mục III này chỉ áp dụng cho một kênh tần số tại một điểm phát sóng; đối với các kênh tần số còn lại, áp dụng mức phí quy định tại điểm 1.3 khoản 1 mục III này)	Sửa đổi Mạng đa tần: Máy phát hình của các đơn vị, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng khu vực phát sóng kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu (phát sóng ít nhất một kênh chương trình thiết yếu) tính trên mỗi kênh tần số được ấn định theo mức công suất phát và vị trí đặt máy phát. Mức phí quy định tại điểm 1.2 khoản 1 mục III này chỉ áp dụng cho một kênh tần số tại một điểm phát sóng; đối với các kênh tần số còn lại, áp dụng mức phí quy định tại điểm 1.3 khoản 1 mục III này	
11	B.IV.1	Theo định nghĩa: Đài vệ tinh trái đất gồm một hay nhiều thiết bị vệ tinh. Quy định mức phí hiện nay, chưa phân biệt giữa Đài vệ tinh trái đất có nhiều thiết bị phát vệ tinh sử dụng nhiều hơn một tần số với Đài vệ tinh trái đất có một thiết bị sử dụng một kênh tần số.	Đài vệ tinh trái đất: Tính trên mỗi tần số phát được ấn định cho một thiết bị và độ rộng băng tần chiếm dụng	Trường hợp Đài vệ tinh gồm nhiều thiết bị phát sóng trên nhiều kênh tần số khác nhau thì tài nguyên phổ tần sử dụng nhiều hơn so với Đài vệ tinh gồm một thiết bị phát sóng. Do đó đề xuất tính theo mỗi tần số phát ấn định cho một thiết bị và độ rộng băng tần chiếm dụng là đề đảm bảo tính đúng, tính đủ phần tài nguyên tần số đã sử dụng.
12	B.IV.1. 2	Chưa có định nghĩa “trạm đầu cuối”	Sửa đổi: “Thiết bị đầu cuối”	Thuật ngữ “thiết bị đầu cuối” đã được định nghĩa trong Luật Viễn thông và thực tế “thiết bị đầu cuối” và “trạm đầu cuối” là như nhau. Do đó đề xuất sửa theo thuật ngữ đã được định nghĩa.

13	B.IV.2	Chưa có định nghĩa “Đài vệ tinh không gian”	Sửa đổi: “Đài vũ trụ”	Thuật ngữ “Đài vũ trụ” đã được định nghĩa trong Quy hoạch phổ tần số (Quyết định 71/2013/QĐ-TTg và 02/2017/QĐ-TTg). Thực tế Đài vệ tinh không gian” và “Đài vũ trụ” là như nhau (Space Station). Do đó đề xuất sửa theo thuật ngữ đã được định nghĩa.
----	--------	---	--------------------------	---